



VILAS 086

Số: 7440/TP/2686/0726

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 29/07/2026  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 1 (Tại trạm CNTT Nhon Nghĩa A - ấp Nhon Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 2,5 lít (03 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 15/07/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 15/07/2026 đến 27/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**  
**Ấp 12, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 2686TP
- Lấy mẫu theo: HD 5.7 - QT - 84
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: 08h30 ngày 15/7/2026 tại Trạm CNTT Nhon Nghĩa A - ấp Nhon Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                     | Đơn vị    | Phương pháp thử            | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|------------------------------|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform (iso)               | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli (iso)       | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 3   | Màu sắc (iso)                | TCU       | SMEWW 2120C:2023           | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi (iso)                    | -         | HD 15-TP-1.36.42           | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH (iso)                     | -         | TCVN 6492:2011             | 7,84 (tại 28,3°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục (iso)                 | NTU       | SMEWW 2130B:2023           | KPH (MDL = 0,23)       | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) (iso)    | mg/L      | US.EPA Method 200.8        | KPH (MDL = 0,001)      | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư tự do (iso) | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.G:2023       | 0,81                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 29/07/2026  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (iso)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (iso) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 7441/TP/2686/0726

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 29/07/2026  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 2 (Tại hộ Đỗ Thành Tâm - ấp Nhơn Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 2,5 lít (03 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 15/07/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 15/07/2026 đến 27/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**  
**Ấp 12, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 2686TP
- Lấy mẫu theo: HD 5.7 - QT - 84
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: 08h30 ngày 15/7/2026 tại Trạm CNTT Nhơn Nghĩa A - ấp Nhơn Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ.
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                | Đơn vị    | Phương pháp thử            | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|-----------------------------------------|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform <sup>(iso)</sup>               | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli <sup>(iso)</sup>       | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 3   | Màu sắc <sup>(iso)</sup>                | TCU       | SMEWW 2120C:2023           | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi <sup>(iso)</sup>                    | -         | HD 15-TP-1.36.42           | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH <sup>(iso)</sup>                     | -         | TCVN 6492:2011             | 7,82 (tại 27,8°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục <sup>(iso)</sup>                 | NTU       | SMEWW 2130B:2023           | KPH (MDL = 0,23)       | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) <sup>(iso)</sup>    | mg/L      | US.EPA Method 200.8        | KPH (MDL = 0,001)      | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư tự do <sup>(iso)</sup> | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.G:2023       | 0,64                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

**Phạm Văn Tú**



KIỂM ĐỌC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

**Nguyễn Khánh Ngọc**

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 29/07/2026  
Trang: 2/2

| STT | Chi tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (iso)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (iso) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH



VILAS 086

Số: 7442/TP/2686/0726

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 29/07/2026  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch 3 (Tại hộ Đỗ Hoàng Thông - ấp Nhơn Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 2,5 lít (03 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 15/07/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 15/07/2026 đến 27/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG**  
**Ấp 12, xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản lấy mẫu số 2686TP
- Lấy mẫu theo: HD 5.7 - QT - 84
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: 08h30 ngày 15/7/2026 tại Trạm CNTT Nhơn Nghĩa A - ấp Nhơn Phú, xã Tân Hòa, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                     | Đơn vị    | Phương pháp thử            | Kết quả                | Mức giới hạn (*)       |
|-----|------------------------------|-----------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Coliform (iso)               | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 2   | Escherichia coli (iso)       | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | < 1 <sup>(a)</sup>     | < 1                    |
| 3   | Màu sắc (iso)                | TCU       | SMEWW 2120C:2023           | KPH (MDL = 4,0)        | 15                     |
| 4   | Mùi (iso)                    | -         | HD 15-TP-1.36.42           | Không phát hiện mùi lạ | Không có mùi lạ        |
| 5   | pH (iso)                     | -         | TCVN 6492:2011             | 7,66 (tại 28,0°C)      | Trong khoảng 6,0 - 8,5 |
| 6   | Độ đục (iso)                 | NTU       | SMEWW 2130B:2023           | KPH (MDL = 0,23)       | 2                      |
| 7   | Hàm lượng Asen (As) (iso)    | mg/L      | US.EPA Method 200.8        | KPH (MDL = 0,001)      | 0,01                   |
| 8   | Hàm lượng Clo dư tự do (iso) | mg/L      | SMEWW 4500-Cl.G:2023       | 0,50                   | Trong khoảng 0,2 - 1,0 |

Ghi chú: - (\*) QCVN 01-1:2024/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (theo yêu cầu khách hàng); - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



| STT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị | Phương pháp thử                    | Kết quả          | Mức giới hạn (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------|------------------|------------------|
| 9   | Chỉ số Permanganat (iso)                                               | mg/L   | TCVN 6186:1996                     | KPH (MDL = 0,54) | 2                |
| 10  | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (iso) | mg/L   | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .F:2023 | KPH (MDL = 0,03) | 1                |

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.